

Bản tin kế toán

Thông tư số 133/2016/TT-BTC Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ

Ngày 26 tháng 8 năm 2016, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 133/2016/TT-BTC (“Thông tư 133”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thông tư 133 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2017. Thông tư 133 thay thế các nội dung áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC (“Quyết định 48”) ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 138/2011/TT-BTC ngày 4/10/2011 của Bộ Tài chính. (“Thông tư 138”). Các doanh nghiệp vừa và nhỏ được chủ động trong việc thiết kế và xây dựng hệ thống kế toán phù hợp với đặc điểm ngành nghề và nhu cầu quản lý, ra quyết định.



Mục lục

Nội dung	Trang
Đối tượng áp dụng	3
Nguyên tắc chung	3
Ưu điểm của Thông tư 133 so với Quyết định 48 và Thông tư 138	3
Những điểm khác biệt chính và bổ sung của Thông tư 133 so với Quyết định 48 và Thông tư 138	3
Đơn vị tiền tệ trong kế toán	3
Chuyển đổi báo cáo tài chính sang Đồng Việt Nam	3
Nguyên tắc kế toán và bút toán định khoản	3
Tổ chức hạch toán tại các đơn vị trực thuộc không có tư cách hạch toán phụ thuộc (gọi tắt là đơn vị hạch toán phụ thuộc)	7
Tài khoản kế toán	7
Bổ sung kế toán giao dịch Hợp đồng hợp tác kinh doanh	7
Dỡ bỏ toàn bộ bắt buộc đối với chứng từ và sổ kế toán	7
Về Báo cáo tài chính	7
Tách biệt giữa kế toán và Thuế	7
Bổ sung thêm các khoản mục tài sản cần lập dự phòng tổn thất	8

1. Đối tượng áp dụng

Thông tư 133 áp dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế theo quy định của Pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trừ doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, công ty đại chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã.

2. Nguyên tắc chung

Doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2015 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nhưng phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp và phải thực hiện nhất quán trong năm tài chính. Trường hợp doanh nghiệp vừa và nhỏ muốn chuyển đổi trở lại áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 133 thì phải thực hiện từ đầu năm tài chính và phải thông báo cho Cơ quan Thuế.

3. Ưu điểm của Thông tư 133 so với Quyết định 48 và Thông tư 138

So với Quyết định 48 và Thông tư 138 thì Thông tư 133 có những ưu điểm vượt trội như sau:

Đề cao tính khả thi áp dụng trong thực tế doanh nghiệp: Chế độ kế toán áp dụng cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ của Thông tư 133 mang tính cởi mở, linh hoạt cao, đưa ra nhiều lựa chọn cho doanh nghiệp hơn.

Hướng đến phục vụ nhu cầu quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Coi trọng bản chất hơn hình thức và tên gọi giao dịch

Tiếp cận gần hơn thông lệ và Chuẩn mực quốc tế

Cụ thể những ưu điểm vượt trội của Thông tư 133 được thể hiện qua những thay đổi sẽ được trình bày chi tiết trong phần sau.

4. Những điểm khác biệt chính và bổ sung của Thông tư 133 so với Quyết định 48 và Thông tư 138

4.1 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Thông tư 133 cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ, có đơn vị kế toán chủ yếu thu, chi bằng ngoại tệ, được chọn một loại ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán. Khi lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán, doanh nghiệp phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Ngoài các yếu tố để xác định đơn vị tiền tệ như đề cập trong Quyết định 48 và Thông tư 138, Thông tư 133 cũng bổ sung các yếu tố sau đây khi xem xét và cung cấp bằng chứng về đơn vị tiền tệ trong kế toán của đơn vị:

Đơn vị tiền tệ sử dụng để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu);

Đơn vị tiền tệ thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và được tích trữ lại.

4.2 Chuyển đổi Báo cáo tài chính sang Đồng Việt Nam

Doanh nghiệp sử dụng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong kế toán thì Báo cáo tài chính mang tính pháp lý để công bố ra công chúng và nộp cho các cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam là Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính thì Báo cáo tài chính nộp cho cơ quan quản lý Nhà nước và công bố ra công chúng phải được kiểm toán.

Khi chuyển đổi Báo cáo tài chính sang Đồng Việt Nam, doanh nghiệp phải trình bày rõ trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính do việc chuyển đổi Báo cáo tài chính sang Đồng Việt Nam

4.3 Nguyên tắc kế toán và bút toán định khoản

So với Quyết định 48 và Thông tư 138 thì Thông tư 133 chỉ quy định nguyên tắc kế toán chứ không hướng dẫn chi tiết các bút toán định khoản. Doanh nghiệp sẽ tự thực hiện bút toán ghi sổ sao cho phù hợp quy trình luân chuyển chứng từ.

4.4 Tổ chức hạch toán tại các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc (gọi tắt là đơn vị hạch toán phụ thuộc)

Thông tư 133 cho phép các doanh nghiệp tổ chức tổ chức bộ máy kế toán và phân cấp hạch toán ở các đơn vị hạch toán phụ thuộc phù hợp với đặc điểm hoạt động, yêu cầu quản lý và không trái với quy định của pháp luật. Thông tư 133 linh hoạt so với các quy định cũ, doanh nghiệp có thể quyết định việc kế toán tại đơn vị hạch toán phụ thuộc có tổ chức bộ máy kế toán riêng, cụ thể:

- Cho phép ghi nhận khoản vốn kinh doanh được doanh nghiệp cấp cho đơn vị hạch toán phụ thuộc là ghi nhận nợ phải trả hoặc vốn chủ sở hữu;
- Cho phép doanh nghiệp quyết định việc ghi nhận doanh thu, giá vốn tại từng đơn vị hạch toán phụ thuộc đối với các giao dịch mua, bán, điều chuyển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nội bộ, không phụ thuộc vào hình thức của chứng từ kế toán (hóa đơn hay chứng từ luân chuyển nội bộ).
- Việc phân cấp kế toán tại đơn vị hạch toán phụ thuộc: Tùy thuộc mô hình tổ chức kế toán tập trung hay phân tán, doanh nghiệp có thể giao đơn vị hạch toán phụ thuộc phản ánh đến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chỉ phản ánh đến doanh thu, chi phí.

4.5 Tài khoản kế toán

Chế độ kế toán chủ yếu quy định đến TK cấp 1, chỉ một số ít TK chi tiết đến cấp 2, mỗi tài khoản chỉ phản ánh một nội dung chứ không có riêng TK ngắn hạn, dài hạn. Doanh nghiệp được tự chi tiết và theo dõi ngắn hạn, dài hạn hoặc mở các tài khoản chi tiết theo yêu cầu quản lý của mình.



So sánh các tài khoản kế toán giữa Thông tư 133 và Quyết định 48

Thông tư 133	Quyết định 48
Tài Khoản đầu 1	
Không có	TK 1113, 1123: Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý
TK 121: Chứng khoán kinh doanh	
– 1211: Cổ phiếu	TK 121: Đầu tư tài chính ngắn hạn
– 1212: Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	
TK 128: Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	
– 1281: Tiền gửi có kỳ hạn	
– 1288: Đầu tư ngắn hạn khác	
TK 136: Phải thu nội bộ	
– 1361: Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	Không có
– 1368: Phải thu nội bộ khác	
TK 138: Phải thu khác	TK 138: Phải thu khác
-1381: Tài sản thiếu chờ xử lý	-1381: Tài sản thiếu chờ xử lý
– 1386: Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	
	-1388: Phải thu khác
-1388: Phải thu khác	
Không có	TK 142: Chi phí trả trước ngắn hạn
TK 151: Hàng mua đang đi đường	Không có
Không có	TK 171: Giao dịch mua bán lại trái phiếu của Chính phủ
Tài khoản đầu 2	
	TK 221: Đầu tư tài chính dài hạn
Không có	– 2212: Vốn góp liên doanh
	– 2213: Đầu tư vào công ty liên kết
	– 2218: Đầu tư tài chính dài hạn khác
TK 229: Dự phòng tổn thất tài sản	TK 159: Các khoản dự phòng
	– 1591: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn
-TK 2291: Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	– 1592: Dự phòng phải thu khó đòi
	– 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
– TK 2292: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	
	Tk 229: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn
– TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi	
– TK 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	
TK 242: Chi phí trả trước	TK 242: Chi phí trả trước dài hạn
Không có	Tk 244: Ký quỹ, ký cược dài hạn

So sánh các tài khoản kế toán giữa Thông tư 133 và Quyết định 48

Thông tư 133	Quyết định 48
Tài khoản đầu 3	
Không có	TK 311: Vay ngắn hạn
Không có	TK 315: Nợ dài hạn đến hạn trả
TK 336: Phải trả nội bộ.	Không có
TK 341: Vay và nợ cho thuê tài chính	TK 341: Vay, nợ dài hạn
	– 3411: Vay dài hạn
-TK 3411: Các khoản đi vay	– 3412: Nợ dài hạn
	– 3413: Trái phiếu phát hành
– TK 3412: Nợ thuê tài chính	+ 34131: Mệnh giá trái phiếu
	+ 34132: Chiết khấu trái phiếu
TK 343: Trái Phiếu phát hành	+ 34133: Phụ trội trái phiếu
– 3431: Trái phiếu thường	– 3414: Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn
+ 34311: Mệnh giá trái phiếu	
+ 34312: Chiết khấu trái phiếu	
+ 34313: Phụ trội trái phiếu	
– 3432: Trái phiếu chuyển đổi	
TK 344: Nhận ký quỹ, ký cược	
Không có	TK 351: Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm
TK 352: Dự phòng phải trả	
-3521: Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	
– 3522: Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	TK 352: Dự phòng phải trả (Không có tài khoản cấp 2)
– 3523: Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp	
– 3524: Dự phòng phải trả khác	

4.6 Bổ sung kế toán giao dịch hợp đồng hợp tác kinh doanh

Thông tư 133 điều 35 đưa ra những định nghĩa về Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) và Kế toán cơ bản cho giao dịch hợp đồng hợp tác kinh doanh.

4.7 Dỡ bỏ toàn bộ sự bắt buộc đối với chứng từ và sổ kế toán

Thông tư 133 quy định doanh nghiệp được tự thiết kế mẫu chứng từ kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng phải đảm bảo các nội dung chủ yếu và phải đảm bảo cung cấp những thông tin theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán, không bắt buộc theo các chứng từ kế toán phải đều thuộc loại hướng dẫn như các quy định trước.

Tương tự tất cả các biểu mẫu sổ kế toán (kể cả các loại Sổ Cái, sổ Nhật ký) đều thuộc loại hướng dẫn (không bắt buộc). Doanh nghiệp phải tuân thủ quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán. Doanh nghiệp được tự thiết kế biểu mẫu sổ, thẻ kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý nhưng phải đảm bảo trình bày thông tin đầy đủ, rõ ràng, dễ kiểm tra, kiểm soát.

4.8 Về báo cáo tài chính

Thông tư 133 - Điều 73 cho phép Doanh nghiệp được lựa chọn biểu mẫu BCTC theo tính thanh khoản giảm dần hoặc phân biệt ngắn hạn, dài hạn theo truyền thống.

Ngoài ra thông tư 133 còn đưa ra các hướng dẫn về Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính cho Doanh nghiệp nếu doanh nghiệp không đáp ứng giá định hoạt động liên tục. Theo đó, doanh nghiệp không phải phân loại tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn và dài hạn mà trình bày theo tính thanh khoản giảm dần, đồng thời doanh nghiệp phải đánh giá lại toàn bộ tài sản và nợ phải trả trừ trường hợp có một bên thứ ba kế thừa quyền đối với tài sản hoặc nghĩa vụ đối với nợ phải trả theo giá trị sổ sách.

4.9 Tách biệt giữa kế toán và thuế

So với Quyết định 48 và Thông tư 138 thì Thông tư 133 đã tách biệt kế toán và thuế, hướng đến phục vụ nhu cầu quản trị, điều hành doanh nghiệp. Cụ thể, đưa ra các Nguyên tắc kế toán doanh thu và chi phí như sau:

Nguyên tắc kế toán doanh thu

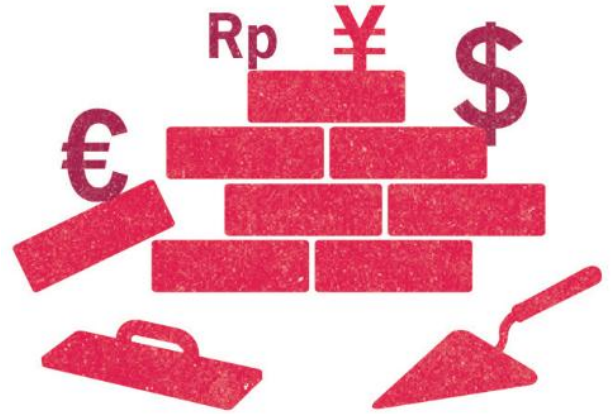
Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu tiền.

1. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu tiền.
2. Doanh thu và chi phí tạo ra khoản doanh thu đó phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.
3. Doanh thu, lãi, lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản, nợ phải trả không được coi là chưa thực hiện do tại thời điểm đánh giá lại, đơn vị đã có quyền đối với tài sản và đã có nghĩa vụ nợ hiện tại đối với các khoản nợ phải trả, ví dụ: Các khoản lãi, lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác, đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý đều được coi là đã thực hiện.
4. Thời điểm, căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; Doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hóa đơn bán hàng.

Nguyên tắc kế toán chi phí

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất của giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.



4.10 Bổ sung thêm các khoản mục tài sản cần lập dự phòng tổn thất

Thông tư 133 bổ sung các khoản mục tài sản cần lập dự phòng tổn thất như sau:

1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Doanh nghiệp được trích lập dự phòng đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Điều kiện, căn cứ và mức trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng thực hiện theo các quy định của pháp luật.

2. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư.

Đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, nhà đầu tư chỉ trích lập dự phòng khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn theo quy định hiện hành.

Đối với khoản đầu tư mà nhà đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và nhà đầu tư không nắm giữ quyền kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư (dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác).

Liên hệ

Bản tin chỉ được sử dụng cho mục đích tham khảo. Grant Thornton (Việt Nam) không chịu trách nhiệm về các sai sót trong bản tin này, cũng như các tổn thất gây ra do việc sử dụng các thông tin từ Bản tin này.

Xin liên hệ với các chuyên gia kiểm toán chuyên nghiệp của chúng tôi nếu quý vị có nhu cầu cần sử dụng các thông tin từ Bản tin này hoặc cần sự trợ giúp của Grant Thornton (Việt Nam).

Văn phòng Hà Nội

Tầng 18, Tòa tháp Quốc tế Hòa Bình
106 Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Việt Nam
ĐT + 84 4 3850 1686
F + 84 4 3850 1688

Văn phòng thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 14, Tòa nhà Pearl Plaza
261A Điện Biên Phủ, Phường 25
Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Việt Nam
ĐT + 84 8 3910 9100
F + 84 8 3910 9101

www.grantthornton.com.vn

Nguy Quốc Tuấn

Trưởng Bộ phận Kiểm toán kiêm Chủ phần hùn
kiểm toán
ĐT +84 8 3910 9180
E Tuan.Nguy@vn.gt.com

Nguyễn Hồng Hà

Chủ phần hùn kiểm toán
ĐT +84 4 3850 1601
E HongHa.Nguyen@vn.gt.com

Nguyen Đào Thanh Thảo

Giám đốc kiểm toán
ĐT +84 4 3910 9162
E Thao.Nguyen@vn.gt.com

Daniel De Waal

Director
M +84 4 3910 9131
E Daniel.DeWaal@vn.gt.com

Võ Minh Quang

Chủ nhiệm kiểm toán cao cấp
ĐT +84 8 3910 9182
E Quang.Vo@vn.gt.com

Nguyễn Dịch Dũng

Senior Manager
M +84 4 3850 1634
E DichDung.Nguyen@vn.gt.com



© 2016 Grant Thornton International Ltd.
"Grant Thornton" refers to the brand under which the Grant Thornton member firms provide assurance, tax and advisory services to their clients and/or refers to one or more member firms, as the context requires. "GTIL" refers to Grant Thornton International Ltd (GTIL). GTIL and each member firm of GTIL is a separate legal entity. GTIL is a non-practicing, international umbrella entity organised as a private company limited by guarantee incorporated in England and Wales. GTIL does not deliver services in its own name or at all. Services are delivered by the member firms. GTIL and its member firms are not agents of, and do not obligate, one another and are not liable for one another's acts or omissions. The name "Grant Thornton", the Grant Thornton logo, including the Mobius symbol/device, and "Instinct for Growth" are trademarks of GTIL. All copyright is owned by GTIL, including the copyright in the Grant Thornton logo; all rights are reserved.